

Số: 1125 /TTYT-KHNV
V/v yêu cầu báo giá hóa chất xét nghiệm

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn tại PKĐK Mai Hương và PKĐK Bà Triệu năm 2024 – 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Hoàng Thái Duy

- Chức vụ: Nhân viên – Phòng Kế hoạch nghiệp vụ

- Điện thoại: 0989850012

- Email: hoangduy282993@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng – Địa chỉ: 16B Phạm Đình Hổ - Hai Bà Trưng – Hà Nội (bản cứng).

- Nhận qua email: phongkhnvtythbt@gmail.com (bản điện tử)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 25/7/2024 đến trước 17h00 ngày 07/8/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 07/8/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm:

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm giao nhận; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hóa chất xét nghiệm:

- Địa điểm giao nhận: Tại Trung tâm Y tế quận Hai Bà Trưng – Địa chỉ: 16B Phạm Đình Hổ - Hai Bà Trưng – Hà Nội.

- Vận chuyển, cung cấp, bảo quản hóa chất: Do nhà cung cấp thực hiện, đảm bảo hóa chất được bảo quản trong quá trình vận chuyển.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Theo từng đợt gọi hàng từ quý 4/2024 đến quý 3/2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng khi hoàn thiện các chứng từ đi kèm và hóa đơn thuế theo đúng quy định.

5. Các thông tin khác:

Hồ sơ báo giá bao gồm: Báo giá có đóng dấu hợp pháp của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế Hà Nội; (để báo cáo)
- Ban Giám đốc TT; (để chỉ đạo /hiện)
- Lưu: VT, KHN.V.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Quang

PHỤ LỤC

Danh mục mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn
 (Kèm theo Công văn số 125/TTYT-KHN ngày 25 tháng 7 năm 2024 của TTYT quận Hai Bà Trưng)

| Stt | Tên hóa chất | Thông số kỹ thuật | Quy cách | Đvt | Số lượng |
|-----|--------------------------------|--|-----------------------|-----|----------|
| 1 | ALT IFCC | Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC, trên máy phân tích sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp (9x50ml + 3x30ml) | Hộp | 4 |
| 2 | AST IFCC | Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương, theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp (9x50ml + 3x30ml) | Hộp | 4 |
| 3 | AU SERIES SYSTEM WASH SOLUTION | Làm sạch các hệ thống đo của máy phân tích hóa sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp 2000ml | Hộp | 1 |
| 4 | Blooltrol 3D(N) | Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485:2016. Đóng gói hộp 3x3 ml | Lọ 3ml | Lọ | 8 |
| 5 | Cleanac-3 | Thuốc thử dùng cho máy phân tích huyết học. Dung dịch rửa sạch máy phân tích huyết học | Can 5 lít | Can | 1 |
| 6 | Cholesterol | Thuốc thử xác định định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích sinh hóa; R1: PIPES Buffer pH 6.9: 40 mmol/l; Mg2+: 2 mmol/l; Phenol: 2 mmol/l; Peroxidase: ≥100 U/l; Cholesterol Esterase: ≥250 U/l; Cholesterol Oxidase: ≥200 U/l; 4-Amino-Antipyrine (4-AA): 0.05 mmol/l; SRABILISERS & PRESERVATIVES Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp (9x50ml) | Hộp | 6 |



| Stt | Tên hóa chất | Thông số kỹ thuật | Quy cách | Đvt | Số lượng |
|-----|--------------|---|-----------------------|-----|----------|
| 7 | Creatinine | Thuốc thử xác định định lượng Creatinine trong huyết thanh và huyết tương và trong nước tiểu trên máy phân tích sinh hóa; R1: Alkaline Buffer: 200 mmol/l; R2: Picric: 25.0 mmol/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp (9x65ml + 9x15ml) | Hộp | 2 |
| 8 | Glucose PAP | Thuốc thử xác định định lượng Glucose trong huyết thanh và huyết tương và CSF trên máy phân tích sinh hóa; R1: PHOSPHATE Buffer pH 7.5: 100 mmol/l; 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/l; Phenol: 1 mmol/l; Peroxidase: >1000 U/l; Glucose Oxidase: ≥20000 U/l; PRESERVATIVE Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp (9x50ml) | Hộp | 6 |
| 9 | Triglycerid | Thuốc thử xác định định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích sinh hóa; R1: PIPES Buffer pH 7.0: 43.6 mmol/l; 4 Chlorophenol: 5.45 mmol/l; LPL: ≥1500 U/l; POD: ≥500 U/l; Glycero-3-phos.Oxidase: ≥3000 U/l; Glycerokinase: ≥500 U/l; 4-Amino-Antipyrine: 0.3 mmol/l; ATP: 1.65 mmol/l; Mg2+: 4.66 mmol/l; PRESERVATIVES & DETERGENTS. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp (9x50ml) | Hộp | 6 |
| 10 | Urea | Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên máy phân tích sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp (6x65ml + 6x44ml) | Hộp | 2 |
| 11 | Uric Acid | Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Uric Acid trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp (6x50ml + 5x12ml) | Hộp | 2 |
| 12 | Norma Dil NK | Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học. Thành phần: Organic buffer < 0,1 %; Sodium salts < 1,0 %. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp 18 lit | Hộp | 14 |

| Stt | Tên hóa chất | Thông số kỹ thuật | Quy cách | Đvt | Số lượng |
|-----|----------------------------------|---|----------------------|-----|----------|
| 13 | NormaClean NK | Dung dịch rửa thường quy dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Là chất lỏng màu xanh. Thành phần: Sodium salts < 2,0 %; Proteolytic enzyme < 0,5 %. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Hộp 5 lít | Hộp | 2 |
| 14 | NormaLyse NK | Dung dịch phá vỡ tế bào hồng cầu, đo HGB. Thành Phần: Ammonium oxalate < 3,0 %; Potassium cyanide < 0,1 %. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Lọ 500ml | Lọ | 6 |
| 15 | GENERAL CHEMISTRY CALIBRATOR | Được sử dụng để hiệu chuẩn trong định lượng hóa sinh lâm sàng trên máy phân tích sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Lọ 5ml | Lọ | 19 |
| 16 | GENERAL CHEMISTRY CONTROL LEVEL1 | Được sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động và bán tự động. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Lọ 5ml | Lọ | 19 |
| 17 | GENERAL CHEMISTRY CONTROL LEVEL2 | Được sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động và bán tự động. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 | Lọ 5ml | Lọ | 19 |
| 18 | HDL | Định lượng HDL trong máu, dải đo đến 2,4 mmol/l. Thành phần: TODB 1 mmol/l, Ascorbate oxidase 3.0 U/ml, MgCl2 2 mmol/l, Buffer (pH 6.5) 10mmol/l. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 | Hộp (6x60ml/ 6x20ml) | Hộp | 2 |
| 19 | LDL | Định lượng LDL trong máu, dải đo lên tới 10 mmol/l. Thành phần: GOOD'S Buffer, CHE, CO, 4-aminoantipyrine (4-AA), Peroxidase, MgCl2. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 | Hộp (6x40ml/ 4x20ml) | Hộp | 2 |
| | | TỔNG CỘNG: 19 khoản | | | |